

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17 - 6 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Quy;

Bà Trần Thị Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xét xử số 3, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐ - ST ngày 20 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1993, nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị; nơi ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phan Văn B, sinh năm 1991, nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn xin ly hôn ngày 16/11/2021 nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị H và anh B đăng ký kết hôn ngày 26/6/2012 tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn sống chung tại nhà bố mẹ chồng tại xã G, huyện L. Năm 2014 Chị H sinh cháu Phan Bảo T, sau đó anh B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, quá trình ở Nhật Bản anh B có quan hệ với người phụ nữ khác nên không còn quan tâm hỏi han vợ con. Do anh B đã sống với người khác như vợ chồng nên tháng 01/2020 Chị H đưa cháu T về ở với ba mẹ của Chị H tại Thôn V, xã T, huyện G. Tháng 5/2020 anh

B về nước nhưng lại ở với ba mẹ ruột, giữa anh B và Chị H vẫn sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, chị Lê Thị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phan Văn B.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phan Bảo T, sinh ngày 19/01/2014 Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2022 bà Trần Thị T (mẹ anh Phan Văn B) có ý kiến như sau:

Anh Phan Văn B hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2018 đến nay chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam và gia đình cũng không biết địa chỉ hiện tại của anh B ở Nhật Bản.

Quá trình chung sống với nhau trước khi anh B đi xuất khẩu lao động giữa Chị H và anh B có một số mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được, nay Chị H yêu cầu ly hôn gia đình có thông báo cho anh B biết. Thông qua mạng xã hội anh B đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của Chị H, về con chung đồng ý giao cho Chị H nuôi dưỡng và cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc giao nhận các văn bản tố tụng bà Thơm đồng ý nhận và cam đoan sẽ thông báo cho anh B biết về các nội dung văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Phan Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Bảo T, sinh ngày 19/01/2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phan Văn B phải cấp dưỡng nuôi cháu Phan Bảo T, sinh ngày 19/01/2014 số tiền 2.000.000đồng/tháng thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Phan Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về tố tụng:

Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn B. Hiện tại anh B đang lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. Căn cứ Công văn số 328/PA08 (Đ1) ngày 15/3/2022 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị xác nhận: Anh B đã xuất cảnh ra nước ngoài vào ngày 21/5/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. TAND huyện Gio Linh ban hành Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 01/2022/QĐ-CHSVA ngày 23/3/2022 đến TAND tỉnh Quảng Trị giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trước và sau khi thụ lý vụ án bị đơn và thân nhân của bị đơn không cung cấp địa chỉ nơi làm việc ở nước ngoài của bị đơn nhưng vẫn liên lạc với gia đình thông qua điện thoại, nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao để giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt nên không tiến hành các phiên họp và hòa giải được; Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông qua người thân của bị đơn là bà Trần Thị T (mẹ anh B), tuy nhiên tại phiên tòa lần thứ 02 anh Phan Văn B vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H với anh Phan Văn B là hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2012 tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Theo Chị H trình bày: Năm 2014 sau khi sinh cháu Phan Bảo T thì anh B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Quá trình ở Nhật Bản anh B có quan hệ với người phụ nữ khác nên không còn quan tâm hỏi han vợ con. Tháng 01/2020 Chị H đưa cháu T lên ở với ba mẹ của Chị H tại Thôn V, xã T, huyện G. Tháng 5/2020 anh B về nước và ở với ba mẹ, giữa anh B và Chị H vẫn sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phan Văn B.

Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2022 bà Trần Thị T (mẹ anh B) trình bày: Quá trình chung sống với nhau trước khi anh B đi xuất khẩu lao động giữa Chị H và anh B có một số mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được nay Chị H yêu cầu ly hôn, gia đình có thông báo cho anh B biết thông qua mạng xã hội anh B đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của Chị H.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Phan Văn B.

[2.2] Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Bảo T, sinh ngày 19/01/2014 Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu T cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. HĐXX thấy, Chị H là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, hiện tại anh B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận giao cháu T cho Chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị H yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, HĐXX thấy rằng, hiện tại anh B đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, theo biên bản xác minh ngày 15/4/2022, bà Thơm (mẹ của anh B) trình bày: “*Sau khi trao đổi nội dung việc Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của Chị H thì anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ tuổi thanh niên*” (BL: 33-34). Thấy rằng, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn là phù hợp, cần thiết và đảm bảo quyền lợi cho cháu T. Căn cứ Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T 2.000.000đồng/tháng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và Chị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình, anh Phan Văn B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Phan Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Bảo T, sinh ngày 19/01/2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phan Văn B phải cấp dưỡng nuôi cháu Phan Bảo T, sinh ngày 19/01/2014 số tiền 2.000.000đồng/tháng thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0000050 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh tỉnh Quảng Trị. Anh Phan Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- Cục THADS tỉnh Q.Trị;
- Tổ HCTP;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu HS/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần văn Phương